

Số: 1599 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch năm 2025 của Ban chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch cải cách hành chính của Bộ và cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đạt hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ (Vụ Cải cách hành chính);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đơn vị tham mưu QLNN thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VP (HC), QA.50.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Handwritten signature in blue ink]

**TRƯỞNG TIỂU BAN
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Tạ Quang Đông**

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính
nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm
đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1599 /QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu và các nhiệm vụ qua 5 năm triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 76/NQ-CP), trên cơ sở đó, làm nổi bật những kết quả đã đạt được, làm rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Kịp thời triển khai, cập nhật các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP này 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân để đề xuất các giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030.

- Phát hiện những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

- Việc sơ kết, đánh giá phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, gán với công tác thi đua, khen thưởng.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 76/NQ-CP, các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Ban chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 để đánh giá toàn diện, hệ thống, khách quan, trung thực kết quả cải cách hành chính đã đạt được giai đoạn 2021-2025 và những tồn tại, hạn chế, bài học kinh nghiệm. Từ thực tế triển khai, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW; Nghị quyết số 68-NQ/TW để đề xuất

các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn 2026-2030.

- Báo cáo sơ kết và các chuyên đề phải bảo đảm chất lượng, toàn diện, chuyên sâu, có tác động tích cực đến hoạt động chỉ đạo, điều hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Ban hành Kế hoạch, xây dựng đề cương báo cáo; xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn sơ kết giai đoạn 2021-2025

a) Xây dựng Kế hoạch; xin ý kiến 20 đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ về dự thảo Kế hoạch; trình Lãnh đạo Bộ ban hành Kế hoạch

- Thời gian: Tháng 5 năm 2025
- Đơn vị chủ trì: Văn phòng Bộ
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ.

b) Xây dựng 09 đề cương báo cáo

- Thời gian: Tháng 5 năm 2025
- Đơn vị chủ trì: Văn phòng Bộ
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ.

c) Xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị triển khai thực hiện sơ kết giai đoạn 2021-2025

- Thời gian: Quý II, III năm 2025
- Đơn vị chủ trì: Văn phòng Bộ
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ.

2. Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ xây dựng báo cáo sơ kết giai đoạn 2021-2025 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2026-2030

Các đơn vị báo cáo sơ kết, đánh giá kết quả 05 năm triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (*theo Đề cương tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Kế hoạch này*) gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*qua Văn phòng Bộ*) **trước ngày 10 tháng 6 năm 2025.**

3. Xây dựng các báo cáo chuyên đề giai đoạn 2021-2025

Các đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối trong công tác cải cách hành chính xây dựng báo cáo chuyên đề giai đoạn 2021-2025 như sau:

a) *Văn phòng Bộ:*

- Báo cáo chuyên đề về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (Phụ lục 07);

- Báo cáo chuyên đề về công tác cải cách thủ tục hành chính (phụ lục 08).

b) Vụ Pháp chế:

- Báo cáo chuyên đề về cải cách thể chế (phụ lục 02).

c) Vụ Tổ chức cán bộ:

- Báo cáo chuyên đề về cải cách tổ chức bộ máy (phụ lục 03);

- Báo cáo chuyên đề về cải cách chế độ công vụ (phụ lục 04).

d) Vụ Kế hoạch, Tài chính:

- Báo cáo chuyên đề về cải cách tài chính công (phụ lục 05).

- Báo cáo chuyên đề về chuyên đề đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch (phụ lục 09).

đ) Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Báo cáo chuyên đề về xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số (phụ lục 06).

Báo cáo chuyên đề của các đơn vị (*theo Đề cương tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch này*) gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*qua Văn phòng Bộ*) **trước ngày 10 tháng 6 năm 2025.**

4. Tổng hợp đề cương chi tiết, đề cương tổng quát, xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết thực hiện giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2026-2030

- Thời gian: **Trước ngày 15/6/2025**

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Bộ

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ.

5. Tổ chức họp góp ý, lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo sơ kết

- Thời gian: **Trước ngày 20/6/2025**

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Bộ

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ.

6. Hoàn thiện Báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành

- Thời gian: **Trước ngày 25/6/2025**

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Bộ

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ.

7. Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025

- Thời gian: **Quý III năm 2025**

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Bộ

- Cơ quan phối hợp: Vụ Tổ chức cán bộ.

8. Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của Bộ

- Thời gian: **Dự kiến tháng 9, 10 năm 2025**
- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Bộ
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ

- Thực hiện sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 theo quy định.
- Xây dựng báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 gửi về Văn phòng Bộ, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng theo yêu cầu.

2. Văn phòng Bộ

- Xây dựng 02 báo cáo chuyên đề theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030.
- Tham mưu tổ chức họp lấy ý kiến hoàn thiện dự thảo báo cáo sơ kết.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị các nội dung phục vụ Hội nghị sơ kết cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.
- Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu Lãnh đạo Bộ khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

3. Vụ Tổ chức cán bộ

- Xây dựng 02 báo cáo chuyên đề theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.
- Phối hợp với Văn phòng Bộ tham mưu Lãnh đạo Bộ khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025.

4. Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch, Tài chính; Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Xây dựng báo cáo chuyên đề theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

Căn cứ Kế hoạch này, các đơn vị chủ động và phối hợp triển khai các công việc được giao, **đảm bảo đúng tiến độ**. Các vấn đề phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề nghị báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ./.



Phụ lục 01
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tại đơn vị; Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL).

- Việc xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của đơn vị; kết quả triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính của Bộ.

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).

- Những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng.

2. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch: Nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả, tác động của thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị.

3. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật và đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

b) Việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

- Tình hình thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

- Tình hình, kết quả thực hiện việc rà soát, thống kê, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

c) Việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính. Vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Cổng dịch vụ công của Bộ và Cổng dịch vụ công Quốc gia.

d) Việc thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Tình hình, kết quả thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Kết quả thực hiện số hóa kết quả, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.

e) Việc thực hiện phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính và kết quả thực hiện phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính.

g) Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị.

h) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Việc triển khai các quy định về tổ chức bộ máy

b) Tổ chức sắp xếp và kiện toàn các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý

- Kết quả thực hiện Quyết định của Bộ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

- Việc thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của đơn vị. Việc triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

c) Việc thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, tinh gọn đầu mối đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Về phân cấp, phân quyền

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp do Chính phủ ban hành.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị đã phân cấp cho địa phương.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Việc triển khai các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị

b) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết quả kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

c) Việc tổ chức triển khai các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực.

b) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành cơ chế, chính sách phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.

- Việc thực hiện dịch vụ công một phần và toàn trình.

- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được tại từng lĩnh vực theo Nghị quyết 76/NQ-CP tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật trên cả 06 nội dung của Chương trình tổng thể theo Nghị quyết 76/NQ-CP.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, các bộ, ngành đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Chính phủ, các bộ, ngành phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

1. Về cải cách thể chế
2. Về cải cách thủ tục hành chính
3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
4. Về cải cách chế độ công vụ
5. Về cải cách tài chính công
6. Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.
2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.
3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 1a
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của các đơn vị

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Thống kê TTHC					
-	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa					
-	Số TTHC công bố mới					
-	Số TTHC bãi bỏ, thay thế					
-	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý					
+	<i>Số TTHC cấp Trung ương</i>					
+	<i>Số TTHC cấp tỉnh</i>					
+	<i>Số TTHC cấp huyện</i>					
+	<i>Số TTHC cấp xã</i>					
2	Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh					
-	Tổng số quy định đã được thống kê					
-	Số quy định đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa					
-	Số quy định đã chính thức được cắt giảm, đơn giản hóa					
-	Chi phí tuân thủ quy định đã giảm sau khi thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa					
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
-	Số TTHC liên thông cùng cấp					
-	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền					
-	Số TTHC (thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan) đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính					
4	Kết quả giải quyết TTHC					
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn					
+	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã</i>					

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	<i>giải quyết xong</i>					
+	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>					
-	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC					
+	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>					
+	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>					
5	Số hóa hồ sơ					
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC					
	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa					
	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử					

Phụ lục 02

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ

Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL) nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành (các bộ, ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể báo cáo kết quả đạt được về xây dựng và hoàn thiện thể chế, trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể trên các lĩnh vực như sau: thể chế về sở hữu; thu hút đầu tư; đất đai, tài nguyên; thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ, thị trường khoa học và công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, khởi nghiệp sáng tạo... để thúc đẩy phát triển đất nước).

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật và đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật: Công tác tổ chức thi hành pháp luật; năng lực phản ứng chính sách; công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thi hành pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được trong công tác cải cách thể chế theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật của công tác cải cách thể chế theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH THỂ CHẾ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Bộ phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 2a
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành/ tham mưu ban hành						
	Chia theo tên loại văn bản quy phạm pháp luật	Luật, Nghị quyết của Quốc hội					
		Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH					
		Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước					
		Nghị định của Chính phủ					
		Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với UBTW MTTQVN					
		Quyết định của Thủ tướng Chính phủ					
		Thông tư					
		Thông tư liên tịch					
2	Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết						
-	Tổng số văn bản quy định chi tiết được cấp có thẩm quyền giao						
-	Số văn bản quy định chi tiết đã được ban hành						
-	Số văn bản chi tiết còn nợ đọng (quá hạn)						
3	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra						
-	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra						
-	Số VBQPPL có kiến nghị đã được xử lý xong						
4	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát						
-	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau khi rà soát						
-	Số VBQPPL có kiến nghị đã được xử lý xong						

Phụ lục 2b
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách thể chế giai đoạn 2021-2025

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1	Hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển		
2	Hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.		
3	Hoàn thiện thể chế và các khung khổ pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số		

Phụ lục 03
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH
TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách
hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp
trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL) nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Việc xây dựng, ban hành các quy định về tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành.

b) Tổ chức sắp xếp và kiện toàn các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý

- Kết quả thực hiện các quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, ngành.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, ngành.

- Việc thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của bộ, ngành. Việc triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

c) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (các bộ, ngành thực hiện báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

d) Việc thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, tinh gọn đầu mối đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Kết quả nghiên cứu, ban hành các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Về phân cấp, phân quyền

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp do Chính phủ ban hành.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành đã phân cấp cho địa phương.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

e) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được trong công tác cải cách tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật của công tác cải cách tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách tổ chức bộ máy

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Bộ phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 3a
Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
-	Tham mưu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan					
-	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định					
-	Ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý					
-	Số tổ chức liên ngành do bộ, cơ quan thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện					
2	Số liệu về biên chế công chức					
-	Tổng số biên chế được giao trong năm					
-	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo					
-	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan					
-	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo					
-	Tỷ lệ phân trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015					
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
-	Tổng số người làm việc được giao					

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
-	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo					
-	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo					
-	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015					

Phụ lục 3b
Bảng thống kê và so sánh số lượng tổ chức giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025
 (Tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025)

STT	Tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Giai đoạn 2011-2020 (31/12/2020)	Giai đoạn 2021-2025 (31/3/2025)	BIẾN ĐỘNG (Số lượng tăng/giảm)
1	Tổng cục và tương đương			
	<i>Số vụ thuộc tổng cục (ở TU)</i>			
	<i>Số cục thuộc tổng cục</i>			
	<i>Số chi cục thuộc tổng cục</i>			
2	Cục và tương đương thuộc bộ			
	<i>Số phòng thuộc Cục</i>			
3	Vụ và tương đương thuộc bộ			
	<i>Số phòng thuộc Vụ & tương đương</i>			
4	Tổ chức tham mưu, giúp việc cho Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ			
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ			
6	Số tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ			

Phụ lục 3c
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1	Hoàn thành việc nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống hành chính nhà nước phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới		
2	Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước		
3	Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021		

Phụ lục 04

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ
Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách
hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp
trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL) nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Việc ban hành các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành

- Ban hành các quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban hành các quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

b) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của bộ, ngành: Việc tuyển dụng; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính; đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Kết quả kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

c) Việc tổ chức triển khai các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được trong công tác cải cách chế độ công vụ theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật của công tác cải cách chế độ công vụ theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Bộ phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 4a
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức					
-	Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý <i>(theo quy định tại Nghị định 62/2020/NĐ-CP)</i>					
-	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
-	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
-	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra					
2	Tuyển dụng công chức, viên chức					
-	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)					
-	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)					
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i>					
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i>					
-	Số lãnh đạo cấp bộ bị kỷ luật					
-	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc bộ bị kỷ luật					
-	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong các vụ, cục, tổng cục thuộc bộ,					

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	cơ quan bị kỷ luật					
-	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp bị kỷ luật					

Phụ lục 4b
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được <i>(Nêu số liệu cụ thể nếu có)</i>	Đánh giá kết quả đạt được <i>(Đạt/Không đạt)</i>
1	Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định		

Phụ lục 05

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL) nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước; các quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính; hoàn thiện chính sách và hệ thống thuế, các chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội (các bộ, ngành báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ).

b) Tình hình đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực.

c) Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước; quản lý việc vay và trả nợ nước ngoài, nợ Chính phủ, nợ quốc gia, nợ công (các bộ, ngành báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ).

d) Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học và công nghệ.

đ) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

e) Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, tình hình hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

g) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được trong công tác cải cách tài chính công theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật của công tác cải cách tài chính công theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Bộ phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 5a
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công					
-	Kế hoạch được giao					
-	Đã thực hiện					
2	Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý của bộ (theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP)					
3	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) thuộc bộ, cơ quan (lấy kể đến thời điểm báo cáo)					
-	Tổng số ĐVSN thuộc bộ, cơ quan					
-	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư					
-	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên					
-	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên					
+	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên					
+	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên					
+	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên					
-	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					

Phụ lục 5b
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được <i>(Nêu số liệu cụ thể nếu có)</i>	Đánh giá kết quả đạt được <i>(Đạt/Không đạt)</i>
1	Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương		
2	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		

Phụ lục 06
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ
Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách
hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp
trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL) nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành cơ chế, chính sách phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của bộ, ngành: Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử; Cổng dịch vụ công quốc gia; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm của bộ, ngành.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Về phát triển hạ tầng số quốc gia.
- Về phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia.
- Về phát triển dữ liệu số quốc gia.
- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.
- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được trong công tác xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật của công tác xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Bộ phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 6a

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Cập nhật Kiến trúc chính phủ phiên bản mới nhất					
2	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo					
-	<i>Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</i>					
-	<i>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</i>					
3	Tỷ lệ hồ sơ công việc của bộ được xử lý trên môi trường mạng					
4	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của bộ, cơ quan <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử)</i>					
5	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, tỉnh					
-	<i>Xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, tỉnh</i>					
-	<i>Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã kết nối liên thông với 100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC thuộc bộ, cơ quan (các Vụ, Cục, Tổng cục,...)</i>					
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
-	<i>Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình</i>					
+	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i>					
+	<i>Số TTHC đang cung cấp</i>					

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	<i>trực tuyến toàn trình</i>					
-	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia					
+	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của bộ, cơ quan</i>					
+	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>					
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến (Chỉ thống kê đối với các DVCTT một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)</i>					
+	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>					
+	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>					
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến (Chỉ thống kê đối với các DVCTT toàn trình có phát sinh hồ sơ)					
+	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>					
+	<i>Số hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến</i>					
-	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến					
+	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>					
+	<i>Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của bộ, cơ quan</i>					

Phụ lục 6b
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1	100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc		
2	Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia		
3	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương		
4	80% các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại		
5	Hệ thống báo cáo của các bộ, ngành, địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia		
6	90% hồ sơ công việc tại cấp bộ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		
	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		
7	Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực		

Phụ lục 07

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là bộ, ngành).

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của bộ, ngành; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai công tác cải cách hành chính.

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).

- Công tác theo dõi, đánh giá (đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và các chỉ số, phương pháp đánh giá khác (nếu có)).

- Những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng.

- Công tác thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính.

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hằng năm.

- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị; những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra; những kiến nghị xử lý được cụ thể hóa...

3. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch: Nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả, tác động của thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ công chức, viên chức của bộ, ngành, người dân, xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Mặt tích cực đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Những bài học kinh nghiệm

**III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 7a
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành					
-	Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Thông báo của Ban Cán sự/Đảng ủy Bộ					
-	Quyết định, Chỉ thị, Kết luận, công văn chỉ đạo, quán triệt					
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm					
-	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch					
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành					
3	Kiểm tra CCHC					
-	Số cơ quan, đơn vị thuộc bộ đã kiểm tra					
-	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (%)					
+	<i>Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>					
+	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>					
4	Tuyên truyền CCHC					
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)					
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC					
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).					
5	Số lượng mô hình, sáng kiến cải cách hành chính được triển khai áp dụng					
6	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao					

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
-	Tổng số nhiệm vụ được giao					
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn					
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn					
-	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành					
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức					
-	Số lượng phiếu đã khảo sát					
-	Hình thức khảo sát					

Phụ lục 09
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ ĐẨY MẠNH XÃ HỘI HÓA TRONG
CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ

1. Tổng quan về các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ
2. Các hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt
3. Các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đã đạt được
2. Khó khăn, vướng mắc

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.
2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.
3. Những kiến nghị, đề xuất khác.